TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Nguyễn Thị Minh Phượng
2/ Bà Trần Thị Quế Minh
-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Tố Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2023/TLST- HNGĐ ngày 6 tháng 2 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L**,** sinh năm**:** 1974 (**Có đơn xin vắng mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 36, ấp B, xã A, huyện C, An Giang

2.*Bị đơn*: Ông Nguyễn Thành N**,** sinh năm: 1972 **(Vắng mặt)**
Nơi cư trú: Tổ 6, ấp B, xã A, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 30/01/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Nguyễn Thành N quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 1995. Bà và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, An Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/KH, ngày 30/12/1997. Sau khi đám cưới ông bà về sống bên gia đình

của cha mẹ bà, đến năm 1998 ông bà về bên gia đình chồng chung sống. Đến năm 2006 do không có công việc làm nên vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn mua bán. Đến tháng 11 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân nhau cho đến nay. Lý do mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, ông N quá gia trưởng, công việc làm ăn khi bàn bạc thì bị la mắng, không góp ý không có sự bàn bạc. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Thành N.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1996 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh năm: 2001. Hiện các con đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Thành N***:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Thành N vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà L.Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của ông N tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì ông N hiện nay hộ khẩu thường trú vẫn ở tổ 6, ấp B, xã A, huyện C, An Giang, nhưng ông N vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L, cho bà L ly hôn với ông N. Về con chung: đã trưởng thành, Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định***:**

[1] *Về thủ tục tố tụng***:** Ông Nguyễn Thành N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do. Còn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thành N theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân**:** Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thành N kết hôn với nhau vào năm 1995, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có

đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn bà L trình bày sau khi đám cưới ông bà về sống bên gia đình của cha mẹ bà, đến năm 1998 ông bà về bên gia đình chồng chung sống. Đến năm 2006 do không có công việc làm nên vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn mua bán. Đến tháng 11 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân nhau cho đến nay. Lý do mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, ông N quá gia trưởng, công việc làm ăn khi bàn bạc thì bị la mắng, không góp ý không có sự bàn bạc. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đỗ Thành N. Xét thấy với thời gian chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt giấy mời nhưng ông N cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của bà Linh. Hiện tại bà L xác định không còn tình cảm với ông N. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Lcũng giữ nguyên phần trình bày trong đơn là bà vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của bà Lvà ông Nkhông thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2]Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1996 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh năm: 2001. Hiện các con đã trưởng thành.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí**:** Do yêu cầu của Bà Nguyễn Thị L được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị L. Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thành N.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/KH, ngày 30/12/1997 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1996 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh năm: 2001. Hiện các con đã trưởng thành.

3.Về tài sản và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004087ngày 6/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.Về kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Thành N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung